

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	21.01.11	Toán	20.000	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
2	21.01.06	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
3	21.01.01	Toán	15.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
4	21.01.12	Toán	18.000	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
5	21.01.02	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
6	21.01.05	Toán	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
7	21.01.17	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
8	21.01.09	Toán	19.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
9	21.01.15	Toán	19.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
10	21.01.08	Toán	20.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
11	21.01.04	Toán	19.000	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
12	21.01.07	Toán	20.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
13	21.01.10	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
14	21.01.14	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
15	21.01.13	Toán	19.000	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
16	21.02.19	Vật lí	15.750	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
17	21.02.05	Vật lí	20.000	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
18	21.02.09	Vật lí	15.000	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
19	21.02.08	Vật lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
20	21.02.13	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
21	21.02.06	Vật lí	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
22	21.02.01	Vật lí	11.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
23	21.02.14	Vật lí	12.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
24	21.02.18	Vật lí	11.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
25	21.02.04	Vật lí	16.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
26	21.02.03	Vật lí	20.250	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
27	21.02.12	Vật lí	11.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
28	21.02.02	Vật lí	23.000	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	21.02.11	Vật lí	17.250	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
30	21.02.17	Vật lí	15.750	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
31	21.03.15	Hoá học	19.750	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
32	21.03.06	Hoá học	20.000	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
33	21.03.08	Hoá học	18.875	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
34	21.03.02	Hoá học	21.250	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
35	21.03.09	Hoá học	17.875	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
36	21.03.18	Hoá học	18.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
37	21.03.01	Hoá học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
38	21.03.14	Hoá học	17.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
39	21.03.13	Hoá học	16.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
40	21.03.12	Hoá học	15.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
41	21.03.16	Hoá học	17.375	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
42	21.03.05	Hoá học	26.000	Nhì	12	THPT Nghĩa Lộ
43	21.03.10	Hoá học	16.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
44	21.03.19	Hoá học	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
45	21.03.07	Hoá học	17.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
46	21.04.01	Sinh học	24.250	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
47	21.04.14	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
48	21.04.10	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
49	21.04.15	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
50	21.04.06	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
51	21.04.16	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
52	21.04.19	Sinh học	20.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
53	21.04.02	Sinh học	20.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
54	21.04.20	Sinh học	20.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
55	21.04.03	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
56	21.05.11	Tin học	19.840	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	21.05.10	Tin học	19.340	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
58	21.05.14	Tin học	25.790	Nhì	11	THPT Chuyên Lào Cai
59	21.05.19	Tin học	17.000	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
60	21.05.06	Tin học	17.520	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
61	21.05.09	Tin học	19.090	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
62	21.05.15	Tin học	14.796	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
63	21.06.07	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
64	21.06.20	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
65	21.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
66	21.06.04	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
67	21.06.11	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
68	21.06.09	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
69	21.06.12	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
70	21.06.08	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
71	21.06.02	Ngữ văn	15.500	Nhất	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
72	21.06.17	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
73	21.06.10	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
74	21.06.18	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
75	21.06.13	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
76	21.07.10	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
77	21.07.17	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
78	21.07.07	Lịch sử	16.000	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
79	21.07.04	Lịch sử	16.250	Nhì	11	THPT Chuyên Lào Cai
80	21.07.20	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
81	21.07.01	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
82	21.07.02	Lịch sử	16.000	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
83	21.07.03	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
84	21.07.09	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	21.07.06	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
86	21.07.12	Lịch sử	16.500	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
87	21.07.16	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
88	21.07.13	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
89	21.07.14	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chu Văn An
90	21.07.11	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
91	21.07.08	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
92	21.08.18	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
93	21.08.10	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lào Cai
94	21.08.14	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
95	21.08.06	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Lào Cai
96	21.08.05	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Lào Cai
97	21.08.16	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT Chuyên Lào Cai
98	21.08.07	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lào Cai
99	21.08.09	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
100	21.08.19	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
101	21.08.01	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
102	21.08.12	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
103	21.08.02	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
104	21.08.11	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
105	21.08.20	Địa lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
106	21.08.15	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
107	21.08.13	Địa lí	16.000	Nhì	11	PTDTNT THPT Yên Bái
108	21.08.08	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

Danh sách này gồm 108 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	21.09.09	Tiếng Anh	3.90	3.40	6.60	1.40	15.300	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
2	21.09.08	Tiếng Anh	3.50	3.50	6.20	1.30	14.500	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
3	21.09.10	Tiếng Anh	3.50	3.90	5.10	1.40	13.900	Ba	THPT Chuyên Lào Cai
4	21.09.03	Tiếng Anh	3.40	3.50	4.70	1.10	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
5	21.09.11	Tiếng Anh	3.30	4.10	6.50	1.20	15.100	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
6	21.09.02	Tiếng Anh	3.50	4.10	4.80	1.10	13.500	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
7	21.09.17	Tiếng Anh	3.80	4	5.50	1.50	14.800	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
8	21.09.01	Tiếng Anh	3.20	4.10	4.90	1.20	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
9	21.09.14	Tiếng Anh	3.60	3	5.70	1.30	13.600	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
10	21.09.04	Tiếng Anh	3.90	3.50	5.80	1.20	14.400	Ba	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
11	21.09.12	Tiếng Anh	3.40	3.30	5.20	1.20	13.100	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
12	21.09.19	Tiếng Anh	3.30	3.10	5.10	1.20	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
13	21.09.15	Tiếng Anh	3.70	3.60	5.20	1.50	14.000	Ba	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
14	21.12.17	Tiếng Trung	3.40	4.30	6.25	1.35	15.300	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
15	21.12.18	Tiếng Trung	3.80	3.80	5.95	1.35	14.900	Nhì	THPT Chuyên Lào Cai
16	21.12.11	Tiếng Trung	3.60	3.65	5.90	1.3	14.450	Ba	THPT Chuyên Lào Cai
17	21.12.20	Tiếng Trung	3.45	3.40	6.20	1.3	14.350	Ba	THPT Chuyên Lào Cai
18	21.12.01	Tiếng Trung	3.55	3.75	5.50	1.6	14.400	Ba	THPT Chuyên Lào Cai
19	21.12.02	Tiếng Trung	3.40	3.15	6.10	1.15	13.800	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
20	21.12.16	Tiếng Trung	3.10	3.80	6.10	1.5	14.500	Ba	THPT Chuyên Lào Cai
21	21.12.08	Tiếng Trung	3.35	2.90	5.40	1.2	12.850	K.Khích	THPT Chuyên Lào Cai
22	21.12.04	Tiếng Trung	3.05	4.40	6.80	1.35	15.600	Nhì	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
23	21.12.06	Tiếng Trung	3.45	4.85	6.80	1.35	16.450	Nhì	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
24	21.12.19	Tiếng Trung	2.10	4.35	5.80	1.2	13.450	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
25	21.12.10	Tiếng Trung	3.25	3.10	5.95	1.25	13.550	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
26	21.12.14	Tiếng Trung	3.40	3.80	5.95	1.25	14.400	Ba	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

21-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
----------	----------------	---------	--------------	--------------	-------------	-------------	--------------	------	---------------

Danh sách này gồm 26 thí sinh